

Bản án số: **150/2024/DS-ST**

Ngày: 26 - 9 - 2024.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 185/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Ông Nguyễn Lê Nhất T** – Chủ Hộ Kinh doanh T

Địa điểm kinh doanh: Tổ A, Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Anh Phạm Quang H, sinh năm 1980

2. Anh Trần Minh Th, sinh năm 1995

Địa chỉ liên hệ: Khu phố A, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 3 năm 2024). (Anh H, anh Th có mặt).

- **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Việt H**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024, bản tự khai ngày 15/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, anh Phạm Quang H và anh Trần Minh Th là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2015 Hộ kinh doanh cá thể T (gọi tắt là Đại lý T) và anh H có thỏa thuận mua bán tài sản về việc Đại lý T bán cho anh H thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm). Đến ngày 05/7/2017 hai bên quyết toán công nợ, anh H còn nợ Đại lý T số tiền 89.226.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Đại lý T nhiều lần yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền cho Đại lý T, nhưng anh H vẫn không trả. Hiện nay, anh H còn nợ Đại lý T số tiền 89.226.000 đồng.

Nay Đại lý T yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Việt H phải có nghĩa vụ trả cho Đại lý T số tiền 89.226.000 đồng (Tám mươi chín triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

* Đối với anh Nguyễn Việt H là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh H đều vắng mặt, mặc dù anh H vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Việt H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ **lần thứ hai** để xét xử, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh H là phù hợp quy định tại **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả tiền nợ mua bán thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) là **89.226.000 đồng** và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*" theo quy định tại **Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xin xác nhận ngày 11/01/2024 của Công an xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận anh Nguyễn Việt H có đăng ký thường trú và đang sinh sống **tại ấp Sân Banh, xã Thới Lai, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre**. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

** Về nội dung:*

- **Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh H có nghĩa vụ trả số tiền nợ 89.226.000 đồng và không tính lãi suất.**

- Cơ sở chứng cứ:

+ Bảng xác nhận công nợ đề ngày 05/7/2017.

[4]. *Hội đồng xét xử xét thấy*: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa nguyên đơn và anh H có giao dịch mua bán thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) với nhau vào năm 2015 và số nợ sau khi hai bên kết nợ lại vào ngày 05/7/2017 là 89.226.000 đồng đến nay chưa trả.

Đối với anh H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đều vắng mặt nên không có lời khai.

[5]. Xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là: Bảng xác nhận công nợ đề ngày 05/7/2017, thể hiện: Anh H còn nợ Đại lý T là 89.226.000 đồng, cam kết sau 01 tháng kể từ ngày 05/7/2017 sẽ trả phân nửa số tiền nợ, còn lại tháng sau sẽ thanh toán dứt điểm, trong thời gian nợ sẽ trả lãi theo lãi suất của Ngân hàng Kiên Long, có chữ ký của anh H ký tên xác nhận. Như vậy, chứng cứ này phù hợp với lời khai của nguyên đơn đã trình bày.

Mặt khác, anh H không có ý kiến gì về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, **đều vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết**, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ **các giấy triệu tập, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, Thông báo** cho anh H có nghĩa vụ cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình “*về việc ông Nguyễn Lê Nhất Trí – Chủ Hộ Kinh doanh Đại lý T yêu cầu anh Nguyễn Việt H có nghĩa vụ trả cho Đại lý T 89.226.000 đồng và không yêu cầu tính lãi*” nhưng hết thời gian ấn định và cho đến khi mở phiên tòa xét xử, anh H vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hay có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không có ý kiến gì về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, căn cứ theo quy định tại **khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự**, nên xem như mặc nhiên anh H thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ mua bán tài sản **nêu trên**.

Từ cơ sở trên, xác định được giữa nguyên đơn và anh H có quan hệ giao dịch mua bán thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm), được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện theo quy định tại **Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015**. Qua Hợp đồng mua bán thấy rằng, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đầy đủ cho anh H; đồng thời anh H đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền đầy đủ cho nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh H trả số tiền nợ còn lại là 89.226.000 đồng, là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 280; Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về lãi suất:

Nguyên đơn chỉ yêu cầu trả tiền nợ gốc và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bị đơn phải chịu án phí của số tiền 89.226.000 **đồng** là:

$89.226.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.461.300 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các **Điều 430, 440, 280** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **điểm b khoản 2** Điều 227, khoản 3 Điều 228; **khoản 2 Điều 91**; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Lê Nhất T - Chủ hộ kinh doanh T đối với anh Nguyễn Việt H về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”.

2. Buộc anh Nguyễn Việt H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Lê Nhất T – Chủ Hộ Kinh doanh T số tiền nợ mua bán **thuốc và** thức ăn nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) là 89.226.000 đồng (Tám mươi chín triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Lê Nhất T – Chủ Hộ Kinh doanh Đại lý T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, **bên** phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Anh Nguyễn Việt H phải chịu là 4.461.300 đồng (Bốn triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, ba trăm đồng).

5.2. Ông Nguyễn Lê Nhất T – Chủ Hộ Kinh doanh Đại lý T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.230.650 đồng (Hai triệu, hai trăm ba mươi nghìn, sáu trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0001995 ngày **22** tháng **7** năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với **bị đơn anh Nguyễn Việt H** vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

